

Hà Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2019

*
Số 89-BB/HĐXTN

BIÊN BẢN

**họp Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B99
huyện Quang Bình (hệ không tập trung)**

Vào hồi 14h30' ngày 27/12/2019, Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B99 (hệ không tập trung) họp xét điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên thi tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B99 huyện Quang Bình.

Địa điểm: Phòng 201 - Nhà D - Trường Chính trị tỉnh Hà Giang

Thành phần: Theo Quyết định số 164-QĐ/TCT, ngày 29/5/2019 gồm 12 đồng chí, có mặt 10/12 đồng chí, vắng 02 đồng chí (Sèn Chín Ly, Nguyễn Xuân Thủy) - có lý do.

Chủ tọa: Đồng chí **Phạm Sỹ Hùng** - Phó Hiệu trưởng thường trực, Phó Chủ tịch Hội đồng,

Thư ký: Đồng chí **Trần Văn Đỉnh** - Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Ủy viên thư ký Hội đồng.

Nội dung:

1. Đồng chí đồng chí **Phạm Sỹ Hùng** - Phó Hiệu trưởng thường trực, Phó Chủ tịch Hội đồng quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp, phương pháp làm việc.

2. Đồng chí **Trần Văn Đỉnh** - Ủy viên thư ký Hội đồng báo cáo điều kiện xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp của học viên tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B99 (hệ không tập trung) huyện Quang Bình.

Tổng số học viên đề nghị Hội đồng xét tốt nghiệp: 67 học viên, tất cả 67 (sáu mươi bảy) học viên có điểm học tập, rèn luyện toàn khóa đủ điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp. Từ khi khai giảng lớp học đến thời điểm xét tốt nghiệp không có học viên bị kỷ luật.

Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của học viên, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Ủy viên thư ký Hội đồng đề nghị Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 67 (sáu mươi bảy) học viên lớp Trung cấp

lý luận chính trị - hành chính B99 (*hệ không tập trung*) huyện Quang Bình. Cụ thể: Xếp loại giỏi: **10** học viên; xếp loại khá: **43** học viên; xếp loại trung bình: **14** học viên

3. Đồng chí Trịnh Diệu Bình - thanh tra thi tốt nghiệp: trình bày Báo cáo kết quả thanh tra đề thi, coi thi, chấm thi, chấm tiểu luận tốt nghiệp. Tất cả các quá trình trên đều thực hiện đảm bảo đúng quy chế, quy định.

Hạn chế: còn 01 tiểu luận tốt nghiệp không ghi điểm trên bìa tiểu luận, có 02 bài tiểu luận có sửa điểm chi tiết nhưng có xác nhận ký bên cạnh chỗ sửa, còn một số phiếu chấm tiểu luận không ghi nhận xét đánh giá.

Đến thời điểm xét tốt nghiệp, lớp đủ điều kiện xét tốt nghiệp theo quy chế quy định.

4. Hội đồng thảo luận

- Ý kiến đồng chí Hoàng Đức Thạch: Nhất trí với báo cáo của phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên lớp còn 04 học viên vì con nhỏ chưa đi nghiên cứu thực tế, chưa hoàn thành khóa học. Đề nghị thống nhất cách xử lý cho học viên chuyển lớp khác nhưng phải đảm bảo đến thời điểm lớp đi nghiên cứu thực tế con của các học viên phải đủ điều kiện cho mẹ đi nghiên cứu theo quy định của pháp luật, nếu không cho học viên bảo lưu chờ nhập học cùng lớp khác.

- Các thành viên khác Nhất trí với báo cáo của phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

5. Hội đồng kết luận:

- Căn cứ Quy chế Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG, ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học viên. Nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 67 (*sáu mươi bảy*) học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B99 (*hệ không tập trung*) huyện Quang Bình. Trong đó: Xếp loại giỏi: **10** học viên; xếp loại khá: **43** học viên; xếp loại trung bình: **14** học viên (*có danh sách kèm theo*).

Biểu quyết nhất trí: 10/12 đồng chí = 83,33%.

- Còn 04 học viên vì con nhỏ chưa đi nghiên cứu thực tế, chưa hoàn thành khóa học. Xem trường hợp nào khi lớp B105 khi đi nghiên cứu thực tế mà có con đủ tháng để mẹ đi nghiên cứu thực tế theo quy định của pháp luật thì cho chuyển vào lớp B105, Các học viên còn lại cho chuyển lớp khác nhưng phải đảm bảo đến thời điểm lớp đi nghiên cứu thực tế con của các học viên phải đủ điều kiện cho mẹ đi nghiên cứu theo quy định của pháp luật như lớp B106 hay B109...

5. Tổ chức thực hiện

- Giao phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học hoàn thiện biên bản, soạn thảo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B99 (*hệ không tập trung*) trình Hiệu trưởng.

- Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học phối hợp với phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu và Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Quang Bình chuẩn bị các điều kiện bế giảng và tổ chức bế giảng theo kế hoạch dự kiến vào sáng ngày 15/01/2020.

Hội nghị kết thúc vào hồi 15h00' cùng ngày và Biên bản đã được thông qua.

THƯ KÝ



Trần Văn Đĩnh

CHỦ TỌA
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

kiêm

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phạm Sỹ Hùng

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng,
- Các phó Hiệu trưởng,
- Các thành viên Hội đồng xét tốt nghiệp,
- Chủ nhiệm lớp,
- Phòng Quản lý Đào tạo và nghiên cứu khoa học,
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

DANH SÁCH
(kèm theo Biên bản số 89-BB/HĐYT/N, ngày 27 tháng 12 năm 2019)

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khóa
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
1	Tạ Thị Bích		8,00	7,00	8,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	7,25	7,25	5,00	7,08	7,09	Khá	8,50
2	Nguyễn Hồng Chân		7,00	8,00	8,25	8,00	7,50	7,25	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	9,00	8,05	Giỏi	9,00
3	Trần Văn Chiến		7,50	7,50	7,00	7,50	6,75	7,50	7,25	7,50	7,75	7,25	8,50	6,83	7,32	Khá	8,50
4	Ngô Thị Cúc		7,25	7,50	7,25	7,50	7,75	7,50	8,00	7,00	8,00	7,00	7,00	7,92	7,54	Khá	8,50
5	Nông Thị Dẻo		7,50	7,50	7,75	7,25	7,00	7,75	8,00	8,00	7,25	7,50	7,25	7,50	7,52	Khá	8,50
6	Hoàng Thị Diện		7,00	7,50	7,50	7,00	7,50	7,75	7,50	7,00	7,50	7,75	7,00	7,67	7,43	Khá	8,50
7	Lý Thị Diện		8,00	7,50	8,25	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,75	7,50	8,25	8,50	8,02	Giỏi	9,00
8	Hoàng Văn Dong		6,50	7,00	7,50	6,50	7,00	7,00	7,50	7,50	7,50	7,00	7,00	6,92	7,05	Khá	8,50
9	Hoàng Văn Dũng		7,00	8,00	7,75	7,50	6,50	7,50	7,25	7,50	7,25	7,50	8,00	7,17	7,38	Khá	8,00
10	Lê Duy		7,00	7,00	8,00	7,25	7,00	7,00	7,25	7,50	7,00	7,00	7,50	7,08	7,20	Khá	8,00
11	Hoàng Thị Dượng		7,75	7,50	8,00	7,50	7,25	7,50	8,00	8,00	7,75	7,50	8,00	9,25	8,04	Giỏi	9,00
12	Hoàng Văn Đức		7,00	7,50	8,00	7,00	7,25	7,00	7,25	7,00	7,50	7,00	7,00	6,50	7,07	Khá	8,50
13	Nguyễn Thị Thu Hà		7,00	7,00	6,25	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	7,00	7,50	7,75	7,58	7,37	Khá	8,00
14	Nguyễn Văn Hái		6,50	7,75	7,75	6,50	7,00	7,00	7,25	7,00	7,50	7,00	7,50	6,58	7,04	Khá	8,00
15	Trần Thị Thu Hậu		7,25	7,75	7,75	8,00	7,00	7,50	8,00	8,00	7,25	8,00	8,00	9,00	7,96	Khá	8,50
16	Trương Thị Hằng		6,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	6,75	7,25	6,50	6,75	6,83	6,84	Trung bình	8,50
17	Nguyễn Văn Hoài		7,00	7,25	6,00	6,50	6,50	6,00	7,00	6,50	7,00	7,50	7,75	6,33	6,71	Trung bình	9,00

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khóa
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
18	Phạm Văn	Hoàn	7,25	7,00	7,00	8,00	7,25	7,25	7,00	6,00	6,75	7,50	7,50	7,50	7,21	Khá	8,00
19	Hoàng Thị	Hội	6,25	7,25	8,00	7,25	7,25	7,50	7,25	7,00	6,50	7,25	7,75	7,50	7,27	Khá	8,00
20	Đinh Thị	Huệ	6,50	6,25	8,00	6,75	7,25	6,50	7,00	7,00	6,75	7,00	7,00	6,83	6,89	Trung bình	8,00
21	Hoàng Thế	Hùng	6,75	6,25	6,25	7,00	6,00	6,25	7,00	6,00	6,50	6,00	6,75	6,83	6,52	Trung bình	8,50
22	Chẳng Thị	Huyền	7,00	8,00	7,50	7,50	7,75	7,50	7,50	7,50	7,50	7,25	7,75	7,25	7,46	Khá	8,50
23	Hoàng Thị	Huyền	8,00	7,50	7,75	7,50	8,50	7,25	8,00	8,00	7,50	7,50	8,00	9,00	8,04	Giỏi	8,50
24	Nông Thu	Huyền	7,00	7,00	8,00	7,00	7,00	7,00	7,00	6,00	6,75	7,00	5,00	6,92	6,82	Trung bình	8,00
25	Nguyễn Thị Hồng	Hương	8,00	7,25	7,75	6,75	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,50	7,25	9,00	7,93	Khá	9,00
26	Lương Thị	Hương	8,25	8,00	7,50	8,00	8,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	9,00	8,25	Giỏi	8,50
27	Cao Thị Thanh	Hường	8,50	7,50	7,50	7,00	7,00	7,75	8,00	7,00	7,50	7,50	5,00	7,58	7,36	Khá	8,50
28	Nguyễn Trọng	Khánh	7,25	8,00	7,00	7,00	7,00	7,00	8,00	7,50	7,00	7,00	7,50	6,83	7,20	Khá	8,00
29	Hoàng Trung	Kiên	6,50	6,75	7,50	7,50	6,75	7,00	6,50	6,50	6,50	7,25	8,00	6,75	6,93	Trung bình	8,50
30	Chu Văn	Kiên	7,50	7,50	7,75	7,00	7,75	7,50	7,50	7,50	7,75	7,25	7,75	7,17	7,45	Khá	8,50
31	Nguyễn Thị	Lụa	7,00	7,50	7,00	7,50	7,25	8,00	8,00	7,00	7,75	7,25	7,50	7,33	7,41	Khá	8,50
32	Đán Đình	Luân	6,50	6,75	6,75	6,50	6,75	6,00	7,00	6,50	6,50	6,00	7,50	6,50	6,59	Trung bình	9,50
33	Triệu Thị	Luỹ	6,75	7,50	7,00	7,25	7,00	7,00	7,00	7,50	7,25	7,00	8,50	7,17	7,23	Khá	8,00
34	Nguyễn Thị	Lương	7,50	8,00	7,75	7,50	7,00	7,50	7,50	7,00	7,50	7,75	7,00	7,33	7,43	Khá	8,50
35	Phạm Huỳnh	Nam	7,25	7,75	7,00	7,50	7,00	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	7,50	7,17	7,39	Khá	8,50

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khóa
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
36	Hoàng Thị	Nga	7,75	7,00	7,75	7,75	7,25	7,00	7,50	7,00	7,75	7,25	7,25	7,50	7,41	Khá	8,50
37	Hoàng Đình	Nghĩa	6,00	7,00	6,75	7,00	7,00	6,50	6,00	6,50	6,50	6,00	7,50	6,58	6,61	Trung bình	8,00
38	La Thị	Nghiệp	7,50	8,00	7,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,75	7,50	7,50	8,00	7,58	7,57	Khá	8,50
39	Chảo Thị Bích	Ngọc	8,00	7,50	7,50	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,16	Giỏi	9,00
40	Trần Thị	Nguyệt	7,50	8,00	7,75	7,25	7,75	7,50	7,25	7,50	7,50	7,50	7,50	9,00	7,86	Khá	9,00
41	Hoàng Thị	Ngư	7,50	7,50	8,25	7,00	7,50	7,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,00	6,83	7,34	Khá	8,50
42	Hoàng Thị	Nhâm	7,50	8,00	7,75	8,00	8,00	7,00	7,25	8,00	7,50	7,00	6,00	8,50	7,68	Khá	9,00
43	Sùng Thị	Oanh	7,50	7,75	7,00	7,25	7,75	7,25	8,00	8,00	7,25	7,75	7,25	7,50	7,52	Khá	8,50
44	Hoàng Thị	Phượng	7,00	7,00	6,50	7,50	7,25	7,25	7,00	6,75	6,75	7,00	6,75	7,17	7,02	Khá	8,50
45	Nguyễn Đức	Quế	6,50	7,25	7,00	7,50	7,00	7,50	7,25	6,50	7,00	7,50	5,00	6,67	6,86	Trung bình	8,50
46	Đặng Sùn	Quyên	6,50	7,00	5,00	6,50	6,00	6,00	6,00	6,00	6,75	6,00	8,50	5,92	6,29	Trung bình	8,50
47	Hoàng Thị	Sai	6,00	7,50	7,75	7,50	7,00	7,00	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	6,67	7,00	Khá	8,50
48	Nguyễn Văn	Sáng	6,00	6,75	7,50	7,00	7,00	7,00	7,50	7,50	7,00	7,75	7,50	7,25	7,16	Khá	8,50
49	Bùi Xuân	Sơn	6,00	7,50	7,00	6,75	7,00	7,00	7,00	6,00	7,00	6,75	8,00	6,92	6,91	Trung bình	8,50
50	Nguyễn Thị	Tám	7,00	7,00	7,50	8,50	8,00	7,75	8,00	7,00	8,00	8,00	8,00	7,83	7,73	Khá	9,00
51	Hoàng Thị	Thảo (1982)	7,50	7,50	7,75	7,00	8,50	8,00	7,00	8,00	7,25	7,50	7,50	9,00	7,89	Khá	9,00
52	Hoàng Thị	Thảo (1986)	8,50	7,25	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	7,00	7,00	7,00	8,00	9,00	8,00	Giỏi	9,00

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khoá
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
53	Nguyễn Đức	Tiến	8,00	7,50	8,00	7,00	8,25	7,50	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	9,00	8,05	Giỏi	9,00
54	Hà Hữu	Tình	6,25	8,00	8,00	7,00	7,00	7,75	7,25	7,25	7,25	7,50	7,50	7,42	7,36	Khá	8,50
55	Lục Văn	Toàn	6,00	6,50	6,50	6,50	7,00	7,00	7,00	6,50	6,75	7,75	8,00	6,92	6,88	Trung bình	8,50
56	Mường Đức	Trọng	5,25	8,00	7,00	7,75	7,75	7,50	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	7,42	7,50	Khá	9,50
57	Nguyễn Văn	Trùng	7,00	7,50	7,75	7,75	7,25	7,25	7,25	6,00	7,50	7,50	8,00	7,42	7,36	Khá	9,00
58	Nguyễn Anh	Tuấn	7,00	7,25	6,25	7,00	6,25	7,25	7,25	7,00	7,25	7,00	7,00	7,33	7,04	Khá	8,50
59	Hà Quân	Tùng	7,50	7,00	7,75	7,00	7,00	7,50	7,00	7,00	7,25	7,00	8,00	7,83	7,39	Khá	8,50
60	Hoàng Trung	Tuyển	7,00	6,75	6,75	7,75	7,00	7,00	7,00	7,00	5,00	7,50	7,50	7,17	6,98	Trung bình	8,50
61	Hoàng Thị	Tượng	7,00	7,00	8,00	7,00	6,50	7,00	7,25	7,00	6,50	7,00	7,50	6,83	7,02	Khá	8,50
62	Hoàng Thị	Vân	7,50	7,50	8,00	7,50	7,75	7,25	8,00	7,00	7,25	8,00	7,50	7,00	7,45	Khá	8,50
63	Trần Thị	Vân	8,00	7,50	7,50	7,50	8,25	7,50	8,00	7,50	8,00	7,75	7,75	9,00	8,02	Giỏi	9,00
64	Vũ Thị Tường	Vi	6,75	7,25	7,75	7,00	7,75	7,50	7,25	7,00	7,25	6,75	8,00	6,83	7,20	Khá	8,50
65	Phan Thị	Xuân	7,25	7,50	8,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,16	Giỏi	9,00
66	Hoàng Hoài	Hung	6,50	6,75	6,50	7,00	6,00	7,25	7,00	7,50	6,00	7,00	8,00	6,58	6,80	Trung bình	8,50
67	Trương Mai	Trang	7,50	6,75	8,25	6,50	7,50	8,00	7,25	7,25	6,00	7,25	8,00	7,58	7,36	Khá	9,00

Danh sách ấn định: 67 học viên